|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN****TỈNH TRÀ VINH****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**Số: /2021/NQ-HĐND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_***Trà Vinh, ngày tháng năm 2021* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo**

 **hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**KHÓA X - KỲ HỌP THỨ ……**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Uỷ ban th­ường vụ Quốc hội khóa XIII quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-HĐND ngày của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về việc quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân (viết tắt là HĐND) các cấp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, gồm các nội dung như sau:

**I. CHI TIẾP XÚC CỬ TRI**

**1**.Chi hỗ trợ chi phí cần thiết cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri (trang trí hội trường, nước uống cho đại biểu, bảo vệ,...):

a) Đối với cấp tỉnh: khoán chi hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri với mức chi 3.000.000 đồng/xã-phường-thị trấn/năm.

b) Mức hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri của cấp huyện 500.000 đồng/điểm; cấp xã 300.000 đồng/điểm.

c) Chi tiền nước uống cho cử tri dự họp buổi tiếp xúc cử tri là 30.000đ/người/cuộc (áp dụng cho cả 03 cấp tỉnh - huyện - xã).

d) Riêng chi hỗ trợ chi phí tiếp xúc cử tri theo chuyên đề, lĩnh vực, đối tượng: chi theo mức chi thực tế.

**2.** Chi bồi dưỡng cho đại biểu HĐND và lực lượng phục vụ tiếp xúc cử tri: ngoài chế độ công tác theo quy định của pháp luật, thực hiện mức chi như sau:

a) Chi bồi dưỡng đại biểu HĐND đi tiếp xúc cử tri: 150.000 đồng/người/điểm.

b) Chi cho cán bộ, công chức, người lao động: phục vụ tiếp xúc cử tri của HĐND: 80.000đồng/người/điểm.

**3.** Chi cho viết báo cáo tổng hợp các ý kiến của cử tri đầy đủ, kịp thời: cấp tỉnh 300.000 đồng/báo cáo; cấp huyện 200.000 đồng/báo cáo; cấp xã 100.000 đồng/báo cáo.

**4.** Hỗ trợ hoạt động Tổ đại biểu HĐND: hỗ trợ kinh phí phục vụ việc họp Tổ đại biểu HĐND để chuẩn bị tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp thường lệ, nghiên cứu chuẩn bị ý kiến thảo luận tại các kỳ họp HĐND, mức chi:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/năm/Tổ.

 - Cấp huyện: 2.000.000 đồng/năm/Tổ.

**II. CHI CHO CÔNG TÁC GIÁM SÁT, KHẢO SÁT**

Chi cho công tác giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban, ***Tổ đại biểu***, đại biểu HĐND:

**1.** Chi cho việc xây dựng văn bản giám sát (bao gồm: quyết định thành lập Đoàn giám sát; kế hoạch, đề cương giám sát và báo cáo tổng hợp kết quả giám sát): cấp tỉnh 3.000.000 đồng/đợt giám sát; cấp huyện 1.700.000 đồng/đợt giám sát; cấp xã 1.200.000 đồng/đợt giám sát.

**2.** Chi cho việc xây dựng văn bản khảo sát (bao gồm: quyết định thành lập Đoàn khảo sát; kế hoạch, đề cương khảo sát và báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát): cấp tỉnh 1.800.000 đồng/đợt khảo sát; cấp huyện 1.000.000 đồng/đợt khảo sát; cấp xã 700.000 đồng/đợt khảo sát.

**3.** Chi cho thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát: ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật, thực hiện mức chi như sau:

a) Chi cho Trưởng đoàn giám sát, khảo sát và thành viên chính thức của Đoàn giám sát, khảo sát của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

- Cấp tỉnh: người chủ trì 200.000 đồng/người/buổi; thành viên 100.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện: người chủ trì 150.000 đồng/người/buổi; thành viên 80.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã: người chủ trì 100.000 đồng/người/buổi; thành viên 50.000 đồng/người/buổi.

b) Chi cho cán bộ, công chức, người lao động, phóng viên: phục vụ giám sát, khảo sát: cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 60.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi.

**4.** Chi các cuộc họp giám sát, khảo sát:

- Cấp tỉnh: người chủ trì 200.000 đồng/người/buổi; đại biểu dự họp 100.000 đồng/người/buổi.

- Cấp huyện: người chủ trì 150.000 đồng/người/buổi; đại biểu dự họp 80.000 đồng/người/buổi.

- Cấp xã: người chủ trì 100.000 đồng/người/buổi; đại biểu dự họp 50.000 đồng/người/buổi.

**5.** Đoàn giám sát của HĐND, Thường trực, các Ban của HĐND xem xét, xác minh, mời chuyên gia tư vấn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết. Mức thuê không quá 5.000.000 đồng/01 lần đến xong việc.

**6.** Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình giữa hai kỳ họp:

a) Chi cho cuộc họp chất vấn, giải trình: áp dụng như mức chi quy định tại Khoản 3, Mục II, Điều 1 của Nghị quyết này.

b) Chi xây dựng kế hoạch cuộc chất vấn, giải trình: Kế hoạch cuộc chất vấn: 1.500.000 đồng/cuộc; kế hoạch cuộc giải trình: 1.000.000 đồng/cuộc.

c) Chi tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu HĐND (tại kỳ họp hoặc giữa hai kỳ họp) phục vụ kỳ họp HĐND hoặc hội nghị chất vấn, giải trình giữa hai kỳ họp; báo cáo tổng hợp việc giải trình ý kiến chất vấn, giải trình tại kỳ họp hoặc hội nghị chất vấn, giải trình giữa hai kỳ họp của cơ quan, tổ chức, cá nhân:

- Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/văn bản chất vấn; 1.500.000 đồng/văn bản giải trình.

- Cấp huyện: 1.400.000 đồng/văn bản chất vấn; 1.100.000 đồng/văn bản giải trình.

- Cấp xã: 1.000.000 đồng/văn bản chất vấn; 800.000 đồng/văn bản giải trình.

**7.** Chi xây dựng Nghị quyết về giám sát trên cơ sở kết quả giám sát, Nghị quyết về chất vấn trên cơ sở kết quả chất vấn; Nghị quyết về Chương trình giám sát hàng năm của HĐND:

- Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/Nghị quyết.

- Cấp huyện: 1.500.000 đồng/Nghị quyết.

- Cấp xã: 1.000.000 đồng/Nghị quyết.

**III. CHI CÔNG TÁC PHÍ**

**1.** Khoán chi công tác phí cho đại biểu HĐND tỉnh không chuyên trách khi thực hiện các hoạt động của HĐND (đi tiếp xúc cử tri, đi giám sát, dự kỳ họp, các cuộc họp do Thường trực, các Ban HĐND tỉnh tổ chức,…) với mức chi 3.000.000 đồng/năm/đại biểu.

**2.** Đại biểu HĐND tỉnh chuyên trách, đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã thực hiện việc chi công tác phí theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**IV. CHI HỖ TRỢ ĐẠI BIỂU HĐND**

**1.** Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm: Ngoài các chế độ theo quy định (nếu có), đại biểu HĐND được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm theo mức: cấp tỉnh 4.000.000 đồng/người/năm; cấp huyện: 3.000.000 đồng/người/năm; cấp xã: 2.000.000 đồng/người/năm. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên. Trường hợp đại biểu HĐND tham gia ở nhiều cấp thì chỉ được hưởng ở cấp cao nhất.

**2.** Chi hỗ trợ may lễ phục

**2.1.** Hỗ trợ tiền may lễ phục đối với đại biểu HĐND: mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND được cấp may lễ phục vào đầu nhiệm kỳ, mức hỗ trợ như sau:

a) Cấp tỉnh: 5.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

b) Cấp huyện: 4.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

c) Cấp xã: 3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

d) Trường hợp đại biểu HĐND tham gia ở nhiều cấp thì hưởng ở cấp cao nhất, đại biểu HĐND vừa là cấp ủy viên của các cấp ủy Đảng thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo quy định hiện hành của Tỉnh ủy, thì có thể hưởng theo quy định của Tỉnh ủy hoặc hưởng theo chế độ này.

**2.2.** Hỗ trợ tiền may lễ phục (trang phục) đối với cán bộ, công chức, nhân viên của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng cấp ủy và HĐND - UBND huyện - thị xã - thành phố trực tiếp phục vụ cho hoạt động của HĐND, mức hỗ trợ được cấp vào đầu nhiệm kỳ, như sau:

a) Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

b) Cấp huyện: 2.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

**3.** Đại biểu HĐND được hỗ trợ tiền báo chí và thông tin cần thiết khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII phục vụ hoạt động của đại biểu với mức khoán:

- Cấp tỉnh: 400.000 đồng/tháng/người.

- Cấp huyện: 300.000 đồng/tháng/người.

- Cấp xã: 200.000 đồng/tháng/người.

Ngoài ra, đại biểu HĐND tỉnh được cung cấp Báo đại biểu nhân dân, Báo Trà Vinh.

***Trường hợp là đại biểu HĐND hai cấp thì hưởng mức hỗ trợ ở cấp cao nhất do Thường trực HĐND cấp cao nhất chi trả.***

**4.** Đại biểu HĐND, cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND được cử đi nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu; mức chi theo quy định hiện hành.

**V. CHẾ ĐỘ CHI KHÁC**

**1. Chế độ chi tiêu phục vụ kỳ họp HĐND và Hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh, Thường trực HĐND các huyện - thị xã - thành phố**

**1.1.** Chi hỗ trợ tiền ăn tập trung sau bế mạc mỗi kỳ họp cho đại biểu HĐND, khách mời và cán bộ, công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, phóng viên báo đài, công an bảo vệ*,* tài xế phục vụ đại biểu HĐND *(được gọi là lực lượng trực tiếp phục vụ kỳ họp HĐND),* mức chi: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: ***200.000 đồng/người/kỳ họp.***

**1.2.** Chi bồi dưỡng Chủ tọa kỳ họp, mức chi:

- Cấp tỉnh: 300.000 đồng/ngày/người.

- Cấp huyện: 200.000 đồng/ngày/người.

- Cấp xã: 100.000 đồng/ngày/người.

**1.3**. Chi bồi dưỡng nghiên cứu tài liệu cho đại biểu HĐND tham dự kỳ họp HĐND, mức chi:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.

- Cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày.

- Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

**1.4.** Chi bồi dưỡng đại biểu HĐND, khách mời và lực lượng trực tiếp phục vụ kỳ họp HĐND, mức chi:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.

- Cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày.

- Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

**1.5.** Đại biểu HĐND, khách mời dự kỳ họp HĐND, lực lượng trực tiếp phục vụ kỳ họp HĐND trong ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ được chi **200%** mức chi theo Điểm 1.4 khoản 1 Mục V Điều 1 của Nghị quyết này.

**1.6.** Chi xây dựng báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tại kỳ họp HĐND, gồm: thẩm tra các báo cáo của UBND, cơ quan có liên quan và báo cáo thẩm tra các dự thảo Nghị quyết cá biệt của HĐND tỉnh, mức chi:

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo thẩm tra.

- Cấp huyện: 300.000 đồng/báo cáo thẩm tra.

- Cấp xã: 200.000 đồng/báo cáo thẩm tra.

**1.7.** Chi bồi dưỡng đại biểu dự phiên họp Thường trực HĐND; dự họp Ban HĐND để thẩm tra; dự họp Đảng Đoàn HĐND tỉnh bàn các nội dung liên quan đến kỳ họp HĐND, mức chi:

- Chủ trì: cấp tỉnh: 200.000 đồng/buổi; cấp huyện: 150.000 đồng/buổi; cấp xã: 100.000 đồng/buổi.

- Đại biểu dự họp: cấp tỉnh: 100.000 đồng/buổi/người; cấp huyện: 80.000 đồng/buổi/người; cấp xã: 50.000 đồng/buổi/người.

- Lực lượng phục vụ *(công chức, người lao động trực tiếp phục vụ cuộc họp):* cấp tỉnh: 80.000 đồng/buổi/người; cấp huyện: 50.000 đồng/buổi/người; cấp xã: 30.000 đồng/buổi/người.

**1.8.** Chi hỗ trợ tiền ăn tập trung cho cuộc họp nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm công tác tổ chức kỳ họp HĐND cho đại biểu HĐND, khách mời và lực lượng trực tiếp phục vụ, mức chi:

***- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/cuộc họp.***

***- Cấp huyện: 120.000 đồng/người/cuộc họp.***

***- Cấp xã: 100.000 đồng/người/cuộc họp.***

**1.9.** Các khoản chi khác phục vụ kỳ họp HĐND thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

**1.10.** Chi hỗ trợ tiền ăn tập trung cho đại biểu HĐND, khách mời và lực lượng trực tiếp phục vụ Hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh, Thường trực HĐND các huyện - thị xã - thành phố *(số lần tổ chức Hội nghị thực hiện theo Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Thường trực HĐND),* mức chi: cấp tỉnh, cấp huyện: ***200.000 đồng/người/Hội nghị.***

**2.** Chế độ chi thăm, tặng quà các đối tượng chính sách - xã hội:

Chế độ thăm, tặng quà được thực hiện đối với các đối tượng sau: Các đối tượng chính sách được quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, trong lao động sản xuất, có đóng góp đối với hoạt động HĐND; gia đình và cá nhân gặp rủi ro do thiên tai,...; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như trại điều dưỡng thương, bệnh binh, trại trẻ mồ côi, người khuyết tật; trường dân tộc nội trú, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang ở biên giới, hải đảo,.... khi tổ chức thăm hỏi thì được tặng quà. Mức giá trị quà tặng tối đa cho mỗi lần thăm hỏi được quy định cụ thể như sau:

- Thường trực HĐND tỉnh: tặng cho tập thể mức cao nhất 3.000.000 đồng/lần, tặng quà cho cá nhân mức cao nhất 1.000.000 đồng/lần.

- Thường trực HĐND cấp huyện: tặng cho tập thể mức cao nhất 2.000.000 đồng/lần, tặng quà cho cá nhân mức cao nhất 500.000 đồng/lần.

**3.** Chế độ thăm hỏi trợ cấp:

**3.1.** Đối với đại biểu HĐND tỉnh

-Đại biểu HĐND tỉnh khi ốm đau được chi tiền thăm hỏi 1.000.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi hỗ trợ không vượt quá 4.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm.

- Chi thăm hỏi ốm đau các vị nguyên là đại biểu HĐND tỉnh: 1.000.000 đồng/người/lần.

- Đại biểu HĐND, nguyên đại biểu HĐND tỉnh khi từ trần thì Thường trực HĐND tỉnh đi viếng, mức chi 2.000.000 đồng.

- Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của đại biểu HĐND tỉnh khi từ trần thì Thường trực HĐND tỉnh đi viếng, mức chi 1.000.000 đồng.

**3.2.** Đối với cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh:

Thăm hỏi ốm đau cán bộ, công chức, người lao động đương nhiệm, nghỉ hưu: 800.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi hỗ trợ không vượt quá 2.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm.

**3.3. *Đối với đại biểu HĐND cấp huyện***

***- Thăm hỏi ốm đau đại biểu HĐND cấp huyện đương nhiệm: 700.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi hỗ trợ không vượt quá 3.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm.***

***- Thăm hỏi ốm đau các vị nguyên là đại biểu HĐND cấp huyện: 700.000 đồng/người/lần.***

***- Viếng đại biểu HĐND cấp huyện, nguyên là đại biểu HĐND cấp huyện từ trần thì Thường trực HĐND cấp huyện viếng 1.500.000 đồng/người.***

***- Viếng cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của đại biểu HĐND cấp huyện từ trần thì Thường trực HĐND cấp huyện viếng 700.000 đồng/người.***

***3.4. Đối với cán bộ, công chức, người lao động đương nhiệm, nghỉ hưu của Văn phòng cấp ủy và HĐND - UBND cấp huyện trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND:***

***Thăm hỏi ốm đau cán bộ, công chức, người lao động đương nhiệm, nghỉ hưu: 600.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi hỗ trợ không vượt quá 1.500.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm.***

***3.5. Đối với đại biểu HĐND cấp xã***

***- Thăm hỏi ốm đau đại biểu HĐND cấp xã đương nhiệm: 500.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi hỗ trợ không vượt quá 2.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm.***

***- Thăm hỏi ốm đau các vị nguyên là đại biểu HĐND cấp xã: 500.000 đồng/người/lần.***

***- Viếng đại biểu HĐND cấp xã, nguyên là đại biểu HĐND cấp xã từ trần thì Thường trực HĐND cấp xã viếng 1.000.000 đồng/người.***

***- Viếng cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của đại biểu HĐND cấp xã từ trần thì Thường trực HĐND cấp xã viếng 500.000 đồng/người.***

***3.6. Đối với công chức trực tiếp phục vụ cho hoạt động của HĐND cấp xã:***

***Thăm hỏi ốm đau công chức trực tiếp phục vụ cho hoạt động của HĐND cấp xã đương nhiệm, nghỉ hưu: 400.000 đồng/người/lần. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi hỗ trợ không vượt quá 1.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm.***

**4.** Chi tặng quà lưu niệm ***(hoặc tiền):***

- Đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, người lao động ***trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND*** được tặng quà lưu niệm ***(hoặc tiền)*** khi kết thúc nhiệm kỳ HĐND, mức chi: ***cấp tỉnh 4.000.000 đồng/người, cấp huyện 3.000.000 đồng/người, cấp xã 2.000.000 đồng/người.***

**- *Cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh khi nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm (hoặc tiền), mức chi: 3.000.000 đồng/người.***

***- Cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh khi chuyển công tác sang cơ quan khác được tặng quà lưu niệm (hoặc tiền), mức chi: 2.000.000 đồng/người.***

**Điều 2.** **Nguồn kinh phí thực hiện**

Các khoản chi trên được cân đối trong ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

**1.** Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh khóa IX về việc quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 76/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về việc quy định một số chế độ, chính sách và điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**2**. Đối với các nội dung chi cho công tác soạn thảo dự thảo Nghị quyết của HĐND, công tác thẩm tra dự thảo Nghị quyết của HĐND; công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; lấy ý kiến luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Uỷ ban thường vụ Quốc hộivà cácchế độ chi khác không quy định tại Nghị quyết này thì chi theo quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 4.** Giao Thường trực HĐND các cấp triển khai thực hiện cụ thể; các Ban HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ …… thông qua ngày ….. và có hiệu lực thi hành từ ngày ………./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:** - UBTVQH, Chính phủ;- Bộ Tư­ pháp, Bộ Tài chính;- TT.TU, Đoàn ĐBQH tỉnh;- UBND,UBMTTQ tỉnh;- Đại biểu HĐND tỉnh;- Sở Tư­ pháp, Sở Tài chính, Kho bạc NN;- TT.HĐND huyện - TX - TP, xã - phường - thị trấn;- BLĐVP: HĐND, UBND tỉnh; - Trung tâm TH - Công báo tỉnh;- Báo Trà Vinh, Đài PTTH tỉnh;- Website Chính phủ;- Lưu: VT, TH.  | **CHỦ TỊCH** |

***\* Ghi chú:*** *nội dung in đậm và nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung mới so Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND, Nghị quyết số 76/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.*